

Từ sau 1975, người Hoa ở miền Nam, trên lĩnh vực hoạt động kinh tế, đã có nhiều chuyển đổi. Nhìn chung, sau năm 1975 đến nay, hoạt động kinh tế của người Hoa ở miền Nam, có thể chia làm hai thời kỳ.

1. TỪ SAU NĂM 1975 ĐẾN NĂM 1985

Đây là thời kỳ miền Nam Việt Nam, tiến hành công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa trên nhiều lĩnh vực, đặc biệt tập trung vào việc cải tạo quan hệ kinh tế tư bản chủ nghĩa. Trong quá trình cải tạo quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa, chúng ta đã có những sai sót và hạn

NGƯỜI HOA TRONG HOẠT ĐỘNG KINH TẾ CỦA MIỀN NAM VIỆT NAM SAU NĂM 1975

PHAN AN

PHAN XUÂN BIÊN

(Viện Khoa học Xã hội TP.HCM)



chức nhất định; từ đó dần đến những hậu quả nặng nề về mặt kinh tế - xã hội. Nền kinh tế hàng hóa ở miền Nam bước đầu phát triển đã bị xóa bỏ để chuyển sang cơ chế bao cấp. Thay vào kinh tế thị trường, là một cơ cấu kinh tế tự cung tự cấp ngự trị khắp mọi lĩnh vực ở miền Nam. Người Hoa ở miền Nam trước năm 1975, vốn đã từng tồn tại và có một vị trí trong cơ cấu kinh tế hàng hóa, đã phải gánh chịu nhiều hậu quả trong tình hình kinh

tế có sự chuyển đổi với nhiều khó khăn, bế tắc sau năm 1975.

Trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp, các cơ sở sản xuất lớn và vừa của người Hoa, qua các đợt cải tạo đã được chuyển sang quyền sở hữu và quản lý của Nhà nước. Một số ít các xí nghiệp hoặc cơ sở được gọi là "công tư hợp doanh", nhưng thực tế cũng thuộc về nhà nước quản lý và hoạt động trong cơ chế bao cấp, tự cung tự cấp là chủ yếu. Thành phần kinh tế

tư nhân, vốn nằm trong tay đông đảo tiểu chủ người Hoa ở Thành phố, và một số khu công nghiệp đã hoàn toàn bị xóa bỏ. Các cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp đông đảo, và là ưu thế của người Hoa bị rơi vào tình trạng ngưng trệ hoặc sống lay lắt. Các chủ cơ sở sản xuất nhỏ và vừa rơi vào tình trạng bấp bênh, và chuẩn bị "đẹp tiệm" bất cứ lúc nào, do nhiều lý do như thiếu nguyên liệu, không có thị trường, thuế má... Sau các đợt cải tạo,

hoạt động sản xuất của người Hoa giảm sút rõ rệt trên các mặt sản lượng, chất lượng, năng suất... Đội ngũ các tiểu chủ, các nhà doanh nghiệp người Hoa, trong đó không ít người là những nhà quản lý, sản xuất giỏi, nhiều kinh nghiệm hoạt động kinh tế cũng tan rã, một số bỏ đất nước ra đi, một số ít làm cầm chừng, hoặc ngồi đợi thời cơ. Lực lượng lao động của người Hoa trong thời gian này cũng bị suy sút nghiêm trọng. Công nhân người Hoa trong nhiều nhà máy bỏ hoặc nghỉ việc. Một số nhà máy dật có đến 3000 công nhân Hoa nhưng đến năm 1980 chỉ còn hơn 100 người. Số lượng thợ thủ công hoặc công nhân trong các cơ sở tiểu công nghiệp cũng giảm sút về số lượng và chất lượng.

Trên lĩnh vực lưu thông phân phối và dịch vụ, một hoạt động kinh tế quen thuộc và có đông đảo người Hoa tham gia, sau thời gian cải tạo đã bị thay đổi cơ cấu và suy thoái nhiều mặt. Nhiều cửa hàng buôn bán lớn và vừa, toàn bộ các khách sạn, nhà hàng và các cơ sở dịch vụ quan trọng của các chủ người Hoa đã được chuyển giao sang sự quản lý của Nhà nước. Cách quản lý còn nhiều sơ hở và yếu kém của quốc doanh thời bấy giờ đã làm cho các cơ sở vật chất như nhà hàng, khách sạn, đại lý... xuống cấp trầm trọng, gây nên tình trạng lãng phí và thất thoát. Nhiều cửa hàng, cơ sở dịch vụ bị đóng cửa hoặc chuyển sang làm việc khác bất hợp lý. Các tiểu thương người Hoa được động viên khuyến khích chuyển sang lĩnh vực sản xuất tiểu thủ công nghiệp, hoặc di vùng kinh tế mới. Một số ít ôi tiểu thương trở thành nhân viên nhà nước làm việc theo kiểu bao cấp. Kết quả mạng lưới thương nghiệp lưu thông hàng hóa ở miền Nam từ lâu được người Hoa góp phần tham gia tích cực đã bị xóa bỏ hoặc ngưng trệ, nhường chỗ cho thương nghiệp quốc doanh nặng bao cấp thiếu năng động và điều đó cũng dẫn đến sự đứt đoạn giữa quan hệ thị trường với sản xuất, hoạt động của người Hoa trong cơ cấu kinh tế hàng hóa chịu thêm một hậu quả nặng nề.

Nhưng, mặt khác cũng trong thời gian từ năm 1980

ến 1985, trong sự khó khăn
hiều mặt, trong chiều hướng
uy giảm của các hoạt động
sản xuất và kinh doanh nói
chung, một bộ phận tiêu chủ,
hà doanh nghiệp và bà con
lao động người Hoa ở miền
Nam, và Thành phố Hồ Chí
Minh nói riêng đã cố gắng
uy trì sự tồn tại, tìm cách
hỗ trợ để phát triển một
số ngành nghề, một vài hoạt
động kinh tế. Từ sau năm
1980, một bộ phận của sản
xuất tiêu thủ công nghiệp của
người Hoa từng bước khôi
phục lại sản xuất. Trong khả
năng và điều kiện nhất định,
một số cơ sở sản xuất cá thể,
hợp tác, hoặc tổ hợp của
người Hoa đã gây dựng, hoặc
ứng cổ để đi vào sản xuất
có hiệu quả. Tính đến năm
1985, trước đại hội Đảng lần
thứ VI, ở thành phố Hồ Chí
Minh có 5.320 cơ sở sản xuất
của người Hoa, chiếm
1,5% các cơ sở tiêu thủ công
nghiệp của toàn Thành phố.
Đa số lao động người Hoa trong
các ngành sản xuất tiêu thủ
công nghiệp có 49.700 người,
chiếm 29% số lao động tiêu
thủ công nghiệp toàn Thành
phố. Phân loại về mặt các
hình thức tổ chức sản xuất
của người Hoa vào thời điểm
năm 1985 như sau:

Trong số 5678 cơ sở
sản xuất tiêu thủ công nghiệp
của người Hoa chia ra:

- Hợp tác xã: + 117
cơ sở chiếm tỷ lệ 2,3% so
với toàn Thành phố
- + 8500 lao động -
6,0%
- Tổ sản xuất: + 1267
cơ sở - 39,2%
- + số lao động - 35,8%

- Cơ sở cá thể: + 4294
cơ sở - 30,72%
- + 40.000 lao động -
16,7%

- Giá trị tổng sản lượng
tiêu thủ công nghiệp của các
cơ sở sản xuất của người Hoa
giá cố định năm 1982)

- + 5.697.000 đồng
- + Đạt tỷ lệ 38,30% so
với toàn Thành phố về sản
xuất tiêu thủ công nghiệp.

(Theo số liệu của Liên
hiệp xã Tiêu thủ công nghiệp
thành phố Hồ Chí Minh, báo
áo tổng kết năm 1987)

Những số liệu trên đây
cho thấy bà con lao động,
tiêu chủ, các nhà doanh
nghiệp người Hoa đã có nhiều
cố gắng để trong hoàn cảnh
khó khăn vẫn duy trì và phát

triển sản xuất. Điều đó, cũng
thể hiện tính năng động, tìm
cách tháo gỡ những ràng buộc
do cơ chế chung để tìm cho
mình một lối đi thích hợp,
góp phần vào sự năng động,
nhảy vọt trong hoạt động
kinh tế của Thành phố Hồ
Chí Minh cũng như ở các
tỉnh phía Nam. Cũng từ thực
tế của thời gian những năm
trước Đại hội Đảng lần thứ
VI. Ta thấy tiềm năng kinh
tế lớn lao của người Hoa ở
miền Nam nước ta chưa được
khai thác có hiệu quả.

2. NHỮNG CHUYỂN BIẾN TRONG CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ CỦA NGƯỜI HOA Ở MIỀN NAM TRONG SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI (TỪ SAU NĂM 1985)

Từ sau Đại hội Đảng
Cộng sản Việt Nam lần thứ
VI, đường lối đổi mới toàn
diện đã đưa đất nước và
Thành phố vào những chuyển
biến mới quan trọng. Trong
bối cảnh đó, hoạt động của
người Hoa trên các lĩnh vực

kinh tế bắt đầu có những
chuyển động mới, xu hướng
phát triển mới. Đặc biệt trong
những năm gần đây, trong bà
con lao động người Hoa và
giới tiêu chủ, các nhà doanh
nghiệp đã có những nét khởi
sắc đáng chú ý và nhiều vấn
đề được đặt ra từ thực tiễn
trong hoạt động kinh tế của
họ.

a) Sản xuất và kinh doanh

Sản xuất tiêu thủ công
nghiệp vẫn là một mặt mạnh
của bà con người Hoa ở
Thành phố Hồ Chí Minh.
Vào những năm 1986-1987,
trong lãnh vực sản xuất của
người Hoa đã xuất hiện nhiều
hợp tác xã, tổ hợp và các cơ
sở cá thể bùng ra làm ăn,
sản xuất nhiều mặt hàng tiêu
dùng và xuất khẩu. Chỉ tính
riêng quận 5, vào tháng 7
năm 1988 đã có hơn 2000
cơ sở sản xuất cá thể mà
phần lớn do người Hoa xin
đăng ký. Các cơ sở này phần
nhiều được trang bị mới lại
máy móc, hoặc tăng cường

các máy công cụ kiểu mới,
sản xuất nhiều mặt hàng cơ
khí, tiêu dùng đáp ứng được
thị hiếu của khách hàng trong
nước, chất lượng tương đương
với hàng ngoại, giá thành lại
chỉ bằng hoặc thấp hơn 2/3
so với hàng nhập ngoại. Điều
đáng chú ý là với chính sách
mới chấp nhận sự tồn tại của
nhiều thành phần kinh tế
trong thời kỳ quá độ, đã tạo
điều kiện cho thành phần kinh
tế cá thể, ngoài quốc doanh
vốn rất đông đảo của người
Hoa được phát triển và làm
ăn bước đầu có hiệu quả. Do
quy mô vừa phải, phần lớn
là nhỏ và vừa, do sự năng
động tiếp cận thị trường, biết
cách huy động vốn, cách tổ
chức quản lý sản xuất thích
hợp, mà hoạt động của các
cơ sở sản xuất tư nhân, tổ
hợp, hợp tác xã (hai loại sau
thực chất cũng là cơ sở cá
thể do các tiêu chủ người
Hoa nắm quyền quản lý, chi
phối) đã bùng ra mạnh mẽ,
chiếm ưu thế vào thời gian
cuối những năm 80. Thời gian
gần đây, trong sản xuất tiêu
thủ công nghiệp của người
Hoa ở Thành phố Hồ Chí
Minh đã hình thành khoảng
gần 200 xí nghiệp tư doanh
và công ty trách nhiệm hữu
hạn, có không ít cơ sở đã có
nguồn vốn vài tỷ đến hàng
chục tỷ đồng như Công ty
xây dựng Việt - Hoa, Hợp
tác xã Bình Tiên, Mĩ an liên
Việt Hương...

Ở các quận đông người
Hoa của Thành phố Hồ Chí
Minh như quận V, quận
I, quận VI... lực lượng sản xuất
tiêu thủ công nghiệp của
người Hoa chiếm một vị trí
rất quan trọng. Giá trị sản
lượng của sản xuất tiêu thủ
công nghiệp do bà con lao
động người Hoa tạo ra chiếm
một tỷ lệ khá cao từ 50 đến
80% so với toàn quận. Phân
tích vai trò của người Hoa ở
quận XI- quận mà sản xuất
tiêu thủ công nghiệp của
người Hoa đạt gần 80% -
trong một số ngành sản xuất
tiêu thủ công nghiệp năm
1990 có thể minh họa cho
nhận định trên:

Ngành nghề - Cơ sở
- Lao động - Giá trị sản lượng
(Theo giá trị cố định 1982)

1. - Cơ khí - 1.100 - 5.300
- 700.000.000 đồng

2. - Hóa nhựa - 700
- 4.300 - 1.029.000.000 -

3. Dệt (dệt kim và dệt
thoi) - 232 - 1.978 - 104.000.000

PHÁT TRIỂN KINH TẾ

MẤY VẤN ĐỀ TÀI CHÍNH TRONG MỘT NƯỚC CÓ NỀN KINH TẾ KÉM MỎ MÀNG

HOÀNH SƠN VÀ VĂN CHẤN

Trong kinh tế các nước chậm phát triển nói chung
đều có những đặc tính như:

- Đất đai và lao động tương đối dồi dào trong
khi vốn rất khan hiếm.

- Thu nhập thấp, do vậy tiết kiệm và đầu tư ở
mức rất thấp, khiến cho nhịp độ gia tăng lợi tức rất
khó vượt quá nhịp độ gia tăng dân số.

- Lợi tức nói chung không được phân phối hợp
lý nếu so với tình trạng phân phối lợi tức của các nước
phát triển. Một số ít người có thu nhập cao thu hưởng
phần lớn lợi tức quốc gia và số đông người dân có
mức lợi tức thấp, chỉ đủ tái tạo sức lao động.

Trong khung cảnh đó, muốn đạt được một sự
phát triển thích nghi nghĩa là một nhịp độ gia tăng
Tổng sản phẩm xã hội hay Tổng sản phẩm quốc dân
tương đối mau chóng, và phân phối những kết quả
của sự phát triển một cách hợp lý thì nền tài chính
cần phải thực hiện các vai trò:

- Vai trò đầu tư và khuyến khích đầu tư;
- Vai trò tiết kiệm và khuyến khích tiết kiệm;
- Vai trò tái phân phối lợi tức.

Ngoài những chi phí có tính cách tiêu thụ như
chi phí hành chính, quốc phòng, xã hội, các nước chậm
phát triển phải đảm trách những chương trình đầu tư
tốn kém để xây dựng hạ tầng cơ sở kinh tế cần thiết

4. -May mặc -27 -3.319
-140.000.000 -
5. -Thủy tinh -49 -687
-92.000.000 -
6. -Thuộc da -132 -496
-82.000.000

Cũng như ở quận XI, người Hoa trong Thành phố hiện diện trên nhiều lĩnh vực sản xuất tiểu thủ công nghiệp từ cơ khí (gồm chế tạo và sửa chữa máy móc), cao su, hóa nhựa, thủy tinh, may, da... cho đến các ngành thủ công đơn giản như đan mây tre, bao bì... Nghề thuộc da và nghề thủy tinh ở Thành phố, cho đến nay, bộ phận lao động người Hoa vẫn còn chiếm ưu thế tuyệt đối. Đối ngũ thợ thủ công của các ngành nghề này, phần nhiều là cha truyền con nối, quan hệ họ hàng rất chặt chẽ, có kinh nghiệm và tay nghề cao, kể cả những bí quyết nhà nghề. Những sản phẩm tiểu thủ công nghiệp của người Hoa đã đáp ứng một phần lớn nhu cầu tiêu dùng, sản xuất của Thành phố và cả nước đóng góp thêm cho nguồn hàng xuất khẩu. Trong tình hình phân công lao động xã hội, người Hoa đã nhanh chóng cải tiến mẫu mã, bao bì và chất lượng.

b) Thị trường:

Mối quan hệ giữa thị trường và sản xuất trong hoạt động kinh tế của người Hoa từ sau năm 1975 đến khoảng năm 1985 bị triệt tiêu phần lớn. Sự thay đổi cơ chế, chính sách kinh tế của Đảng và Nhà nước từ sau Đại hội VI đã tạo điều kiện cho những quy luật của kinh tế thị trường dần dần được khôi phục và củng cố mối quan hệ giữa thị trường và sản xuất của người Hoa ở Thành phố cũng như các vùng sản xuất nông sản hàng hóa ở đồng bằng sông Cửu Long. Cơ chế thị trường đã trở thành chủ đạo và định hướng cho hoạt động sản xuất của người Hoa. Trong thời gian qua nhiều cơ sở sản xuất của người Hoa đã bám sát nhu cầu của thị trường để quản lý và điều chỉnh hoạt động một cách có hiệu quả. Những cơ sở lớn như Bình Tiên, Việt Hương v.v... đều có mở các đại lý, cung cấp, bảo hành các sản phẩm,

và tăng khả năng tiếp thu đầu tư của nền kinh tế.

Về bản chất những nhu cầu chi tiêu này nhằm tạo lập khả năng sản xuất một cách gián tiếp cho nền kinh tế. Điều này khác với vai trò của đầu tư nhà nước tại các nước phát triển, nhiều khi chỉ nhằm tạo ra lợi tức để ngăn chặn các hiện tượng kinh tế thoái trào. Tầm quan trọng của các dự án đầu tư hạ tầng cơ sở không thể đo lường bằng sản lượng do những dự án đó trực tiếp tạo ra mà chỉ có thể đánh giá bằng tác dụng trên hiệu năng tư bản nói chung trong nền kinh tế.

Vì đòi hỏi vốn đầu tư lớn, không sinh lợi mau chóng, nên khu vực tư không thể đảm nhận những dự án trên nếu Nhà nước không đứng ra thực hiện.

Khuyh hướng tiết kiệm của nhân dân tại các nước chậm phát triển rất cao, nhất là dưới ảnh hưởng của "hiệu quả phổ thông" (demonstration effect). Nếu chỉ trông cậy hoàn toàn vào tiết kiệm tự nguyện, thì có lẽ phải nâng lãi suất thực sự (real rate of interest) lên mức rất cao. Điều này rất khó thực hiện vì làm như vậy, sẽ làm nản chí các nhà đầu tư.

Nếu muốn tăng tiết kiệm trong nước lên một tỷ lệ khả quan so với Tổng sản phẩm xã hội, Nhà nước phải sử dụng tới biện pháp hành chính nghĩa là phải thu nhiều hơn chi và sung dụng số thặng dư ngân sách vào việc tài trợ đầu tư tư nhân, dưới hình thức tín dụng phát triển. Về phương diện tài chính, kinh tế và xã hội, quan niệm thông thường vẫn là Nhà nước phải thu thuế theo khả năng, nghĩa là người có lợi tức cao phải đóng nhiều, và người thu nhập thấp đóng ít. Một quan niệm khác cho rằng phải thu hơn nhu cầu chi tiêu thông thường và chuyển dịch số thặng dư cho các thành phần lao động qua các chương trình phúc lợi xã hội.

Trong khung cảnh tiến đến phát triển, quan niệm nói trên có nghĩa là qua guồng máy thuế, Nhà nước có nhiệm vụ phân phối lợi ích của sự phát triển một cách công bằng hơn.

Nếu giả thiết rằng sự hữu dụng biên tế của lợi tức có tính cách tiệm giảm và mọi người đều có một hữu dụng tuyến (utility curve) như nhau, thì nguyên tắc thu thuế lũy tiến để tái phân phối lợi tức sẽ có tác dụng làm tăng mức độ phúc lợi (welfare) của xã hội nói chung. Tuy nhiên, xét trên một khía cạnh kinh tế khác, thiết tưởng vấn đề tái phân phối lợi tức từ giới có lợi tức cao sang giới có lợi tức thấp nếu đi quá xa có thể phương hại tới công cuộc phát triển. Do vậy, giới có lợi tức thấp thường có khuynh hướng tiêu thụ biên tế cao, trong khi ngược lại giới có lợi tức cao thường có khuynh hướng tiêu thụ biên tế thấp. Từ quan điểm này, nếu tái phân phối lợi tức từ người giàu sang người nghèo thì có nghĩa là gián tiếp khuyến khích tiêu thụ, giảm thiểu tiết kiệm, đầu tư và nhịp độ phát triển.

Ngoài ra, nếu thuế suất lũy tiến được áp dụng quá mạnh có thể sẽ làm giảm bớt ý muốn làm việc và đầu tư bởi vì đến một mức nào đó hữu dụng biên tế của lợi tức kiếm được sẽ nhỏ hơn hữu dụng biên tế của sự nhàn rỗi.

Tóm lại, nguyên tắc tái phân phối lợi tức (transfer payments) cần được thực hiện một cách có chừng mực nào đó. Nguyên tắc này cũng cần được áp dụng uyển chuyển, dung hòa nhu cầu tạo lập tư bản và nhu cầu bình đẳng xã hội. Nói cách khác, cơ cấu thuế cần được ấn định thế nào để lấy bớt lợi tức của những giới có thu nhập cao mà không tiết kiệm đầu tư, đồng thời khuyến khích việc sử dụng lợi tức vào mục tiêu gia tăng sản xuất.

IIS & VC.

tìm hiểu thị hiếu người tiêu dùng và tình hình cung cầu của thị trường (Bình Tiên có 2 cửa hàng chính và 26 đại lý tại Thành phố và các tỉnh). Nhờ nắm bắt được tình hình thị trường một cách kịp thời nên các hoạt động sản xuất của người Hoa tỏ ra rất năng động, nhanh chóng thay đổi mẫu mã, mở rộng mặt hàng nâng cao chất lượng sản phẩm, liên kết liên doanh với nước ngoài.

Ở vùng đồng bằng sông Cửu Long, thị trường lúa gạo trước đây vốn do các thương lái người Hoa chiếm ưu thế. Sau năm 1975, việc thương lái gạo đã bị đàn áp vì lúa gạo có thời gian không còn là nông sản hàng hóa. Trong những năm gần đây, một số thương lái người Hoa đã trở lại hoạt động thu mua lúa gạo, nông sản góp vào việc xuất khẩu lúa gạo, tạo nên sự rộn rịp trên thị trường lúa gạo miền Nam. Một số nhà máy xay xát cũng đã được chính quyền giao lại cho các chủ người Hoa quản lý, trở thành các điểm thu mua chế biến gạo, cung cấp cho việc xuất khẩu lúa gạo vừa qua.

Có thể nói, trong thời gian ngắn vài năm qua, cơ chế kinh tế thị trường đã tác động tích cực đến các hoạt động sản xuất, đặc biệt là sản xuất tiểu thủ công nghiệp và chế biến nông hải sản, lương thực của người Hoa. Trong cơ chế thị trường đó, hoạt động kinh tế của người Hoa đã tỏ ra năng động, nhạy bén cùng những tiềm năng kinh tế phong phú của người Hoa ở miền Nam Việt Nam.

c) Đổi mới công nghệ trong sản xuất.

Một trong những đặc điểm nổi bật của hoạt động sản xuất của người Hoa hiện nay, là sự nhanh chóng tiếp cận và đổi mới công nghệ kỹ thuật sản xuất tiên tiến. Sau một thời gian dài ngưng trệ sản xuất, không tiếp xúc với thế giới bên ngoài, ở hầu hết các cơ sở sản xuất, máy móc đã hao mòn, cũ kỹ và lạc hậu về mặt kỹ thuật. Chất lượng sản phẩm làm ra rất hạn chế, không đáp ứng nhu cầu thị trường. Sự cần thiết phải đổi mới công nghệ sản xuất, kỹ thuật và máy móc đã được các chủ cơ sở của người Hoa nhanh chóng nhận thức. Trong một thời

gian ngắn, nhiều cơ sở sản xuất của người Hoa ở Thành phố và các tỉnh đã nhanh chóng và bằng nhiều cách khác nhau bắt tay vào việc trang bị lại máy móc, áp dụng các kỹ thuật sản xuất chế tạo tiên tiến, tiếp cận các công nghệ sản xuất hiện đại. Năm 1990 Hợp tác xã cao su Bình Tiên đã đầu tư 850.000 đô-la để trang bị lại dây chuyền công nghệ cán ép cao su. Nhờ vậy, năng lực sản xuất tăng lên gấp hai lần, chất lượng sản phẩm giấy dệp chẳng những không thua kém hàng của Đài Loan mà còn trội hơn một số nước trong khu vực, mẫu mã cũng phong phú, đẹp hơn trước. Cơ sở Việt Hương (quận XI) sản xuất mì ăn liền, đã trang thiết bị lại toàn bộ quy trình sản xuất với kỹ thuật hiện đại nhập từ Singapore với số vốn 1.500.000 đô-la. Các công đoạn sản xuất mì ăn liền được tự động hóa, đảm bảo chất lượng và vệ sinh công nghiệp thực phẩm. Một số cơ sở dệt cá thể của người Hoa ở quận 5 đã nhập về các máy dệt vải thun với chất lượng cao v.v... Nhiều cơ sở tư nhân của người Hoa ở các quận XI, quận VI... bằng nhiều cách khác nhau thông qua thân nhân ở nước ngoài, qua các thông tin, qua các dịch vụ cung ứng xuất khẩu... đã tự trang bị cho mình các loại máy móc mới phù hợp với quy mô, quy trình sản xuất hiện đại, và có hiệu quả. Các chủ cơ sở xay xát, vận chuyển lúa gạo của người Hoa ở vùng đồng bằng sông Cửu Long cũng nhanh chóng trang bị và sử dụng các loại máy nổ, máy xay xát loại mới nhằm đáp ứng chất lượng gạo xuất khẩu. Những ước tính cho thấy việc đổi mới các công nghệ sản xuất, trang bị máy móc của các cơ sở sản xuất của người Hoa ở quận V trong thời gian cuối năm 1990, ít nhất, trị giá khoảng 3.000.000 đô-la, riêng ở quận XI, hơn 2.000.000 đô-la v.v... Một số không ít các cơ sở còn mạnh dạn đầu tư kinh phí cử người ra nước ngoài học tập công nghệ sản xuất mới và điều khiển các máy móc hiện đại. Một số cơ sở lại còn mời hoặc thuê chuyên viên, kỹ sư nước ngoài về Việt Nam lắp ráp máy, hướng dẫn, đào tạo công nhân và chuyển giao quy trình công

nghệ mới phù hợp với quy mô và điều kiện của cơ sở.

d) Nguồn vốn:

Phát triển sản xuất, trước hết cần phải tạo nguồn vốn vẫn là điều quan trọng trong hoạt động kinh tế của người Hoa. Điều đáng chú ý là việc tạo nguồn vốn bằng nhiều cách của người Hoa trong thời gian vừa qua. Tìm hiểu một số cơ sở sản xuất của người Hoa có nguồn vốn lớn, cho thấy các chủ người Hoa khá năng động, biết cách khai thác các nguồn vốn, và sử dụng vốn một cách hiệu quả. Phải thừa nhận một thực tế, phần lớn các cơ sở sản xuất của người Hoa là nằm ngoài quốc doanh, và vì vậy hầu như không có một sự ưu đãi nào của ngân hàng nhà nước về vay vốn sản xuất, kinh doanh. Trong điều kiện hết sức khó khăn, các tiểu chủ, nhà doanh nghiệp người Hoa, phải dựa vào khả năng của mình là chính hoặc bà con họ hàng, bạn bè quen thuộc cùng chung nhau làm ăn và tính toán cách tạo nguồn vốn. Một số cơ sở của người Hoa dựa vào sự giúp đỡ của bà con thân nhân từ nước ngoài về vốn thông qua nguồn hàng (với tính cách quà biếu) hoặc ngoại tệ mạnh (nhưng cũng bị hạn chế bởi chính sách cấm vận của Mỹ). Một số cơ sở khác của người Hoa lại liên doanh, liên kết với các tư nhân, tổ hợp, công ty... ở nước ngoài, phần lớn ở các nước Đông Nam Á, Hồng Kông, Đài Loan. Nguồn vốn từ nước ngoài này, đa số lại được đầu tư vào các cơ sở người Hoa dưới hình thức những quan hệ thân thuộc, vừa nhanh chóng vừa đỡ phiền phức về các thủ tục, và có lợi nhiều mặt... Thực

tế trong thời gian qua, trong tình trạng yếu kém của các ngân hàng, sự bế tắc của các tín dụng, và cả sự đối xử không bình đẳng với thành phần kinh tế ngoài quốc doanh, hầu hết các cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp, kinh doanh của người Hoa vẫn duy trì và phát triển. Điều đó, một phần quan trọng là nhờ ở việc tạo nguồn vốn bằng nhiều cách linh hoạt, cũng như sử dụng đồng vốn một cách có hiệu quả. Mặt khác nhờ duy trì và sản xuất có hiệu quả, các cơ sở sản xuất của người Hoa lại huy động được nguồn vốn khá lớn trong nhân dân.

Một số khía cạnh tranh bày trong các phần trên đây, cho thấy, người Hoa có một vị trí và vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế ở các tỉnh phía Nam, và đặc biệt là Thành phố Hồ Chí Minh từ sau năm 1975 đến nay. Cùng với sự chuyển đổi cơ chế, đường lối kinh tế từ sau Đại hội Đảng lần thứ VI, các hoạt động kinh doanh và sản xuất của người Hoa đã có những nét khởi sắc tốt đẹp, đã phát huy được những yếu tố tích cực của người Hoa trong các hoạt động kinh tế ở miền Nam. Mặt khác, cũng qua thực tế hoạt động kinh tế của người Hoa trong thời gian qua, đã đặt ra vấn đề cần tiếp tục khơi dậy những tiềm năng kinh tế của người Hoa, phát triển một cách hiệu quả vai trò và vị trí của người Hoa trong sự nghiệp xây dựng một nền kinh tế phát triển ở Thành phố Hồ Chí Minh và ở miền Nam Việt Nam nói chung.

PA & PXB



TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nghị Đoàn, Huỳnh Nghị, Phan An: *Người Hoa Thành phố Hồ Chí Minh trong chặng đường đầu tiên xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa và những vấn đề đặt ra* - Báo cáo tổng kết chương trình nghiên cứu người Hoa Thành phố Hồ Chí Minh, năm 1989.
2. Mạc Đường: *Người Hoa ở đồng bằng sông Cửu Long* trong sách "Vấn đề dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long" - Nhà xuất bản Khoa học xã hội, năm 1991.
3. Huỳnh Nghị - Phan Xuân Biên - Phan An: *Phát huy tiềm năng của người Hoa trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố Hồ Chí Minh (1991-2000)* - Tài liệu đánh máy (1991) lưu ở Ban công tác người Hoa TP.HCM.
4. Mặt trận Tổ quốc quận 6: *Người Hoa quận 6*, năm 1990.
5. Trong bài viết chúng tôi có sử dụng một số số liệu thống kê do Lê Quốc Lâm, chuyên viên Ban công tác người Hoa Thành phố Hồ Chí Minh sưu tập và hệ thống. Các tác giả xin chân thành cảm ơn.

Ký sau: NGƯỜI HOA TRONG HOẠT ĐỘNG KINH TẾ ĐỐI NGOẠI CỦA TP. HỒ CHÍ MINH



PHÁT TRIỂN KINH TẾ 11